

Số: 1205 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 05. tháng 6. năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;  
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét hồ sơ và Văn bản số VBĐN01/2023-PV ngày 10 tháng 03 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số VBGT01-23/PV ngày 11/05/2023 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy sản xuất thực phẩm và đồ uống Miền Nam tại lô B20.2, đường C3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của Chi nhánh Tây Ninh Công ty TNHH Paldo ViNa*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3461/TTr-STNMT ngày 19 tháng 5 năm 2023,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Chi nhánh Tây Ninh Công ty TNHH Paldo ViNa địa chỉ tại Khu công nghiệp Thành Thành Công, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất thực phẩm và đồ uống Miền Nam tại lô B20.2, đường C3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất thực phẩm và đồ uống Miền Nam
- 1.2. Địa điểm hoạt động: lô B20.2, đường C3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.
- 1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số 3231047720, ngày 24/03/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế; Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh với mã số chi nhánh: 2600304973-003 đăng ký lần đầu ngày 12/4/2023 hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty TNHH Paldo ViNa



1.4. Mã số thuế: 2600304973-003.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất, chế biến mì gói, sản xuất đồ uống, nước ép từ rau củ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự án: diện tích sử dụng: 33.920,5 m<sup>2</sup>

- Quy mô, công suất: sản xuất, chế biến mì gói quy mô 17.280 tấn sản phẩm/năm, sản xuất đồ uống, nước ép từ rau quả quy mô 19.035.000 lít sản phẩm/năm (giai đoạn 1: sản xuất, chế biến mì gói quy mô 8.536,32 tấn sản phẩm/năm, sản xuất đồ uống, nước ép từ rau quả quy mô 11.015.812,5 lít sản phẩm/năm; giai đoạn 2: sản xuất, chế biến mì gói quy mô 8.536,32 tấn sản phẩm/năm, sản xuất đồ uống, nước ép từ rau quả quy mô 2.776.462,5 lít sản phẩm/năm; giai đoạn 3: sản xuất, chế biến mì gói quy mô 207,36 tấn sản phẩm/năm, sản xuất đồ uống, nước ép từ rau quả quy mô 5.242.725 lít sản phẩm/năm).

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Chi nhánh Tây Ninh Công ty TNHH Paldo ViNa được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chi nhánh Tây Ninh Công ty TNHH Paldo ViNa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQLKKT;
- UBND thị xã Trảng Bàng;
- Cty CP KCN Thành Thành Công;
- LĐVP, CVK
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến



**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 120.5...../GPMT – UBND  
 ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau hệ thống xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công, không xả ra môi trường).

- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công theo Văn bản đã ký giữa Chủ dự án đầu tư và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp là: Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 72/2023/HĐTLĐ – TTCIZ ngày 19/4/2023.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên phát sinh từ khu vực nhà xưởng sản xuất, nhà bảo vệ, văn phòng với lưu lượng lớn nhất là 18,3 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, có 03 bể tự hoại (bao gồm: 01 bể có thể tích 6,5 m<sup>3</sup>; 02 bể có thể tích 17 m<sup>3</sup>/bể). Nước thải sinh hoạt sau các bể tự hoại theo đường ống thoát nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của Dự án để xử lý.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ khu vực nhà xưởng sản xuất với lưu lượng lớn nhất là 127,8 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom theo đường ống thoát nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của Dự án để xử lý.

- Nước thải từ hệ thống làm mát, giải nhiệt, hệ thống xử lý khí thải lò hơi, hệ thống lọc nước với lưu lượng lớn nhất là 73,8 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom theo đường ống thoát nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của Dự án để xử lý.

- Toàn bộ nước thải của Dự án được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày. đêm theo phương án nước thải sau xử lý đạt yêu cầu đầu nối của Khu công nghiệp Thành Thành Công cột B, QCVN 40:2011/BTNMT.

- Nước thải sau xử lý xả ra hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Thành Thành Công bằng tuyến đường ống kết cấu PVC140 dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Phân khu đa ngành thuộc Khu công nghiệp Thành Thành

Công để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải như sau: Nước thải → bể tách dầu mỡ → bể thu gom → bể điều hòa → bể sinh học yếm khí → bể sinh học thiếu khí → bể sinh học hiếu khí → bể lắng sinh học → bể phản ứng → bể lắng hóa lý → bể khử trùng → đầu nối về Nhà máy xử lý nước thải tập trung Phân khu đa ngành của Khu công nghiệp Thành Thành Công.

- Công suất thiết kế: 300 m<sup>3</sup>/ngày. đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Poly Aluminium Chloride, Polime Anion, Polime Cation Chlorine.

1.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố: sử dụng 01 bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để phòng ngừa ứng phó sự cố. Bể điều hòa có thể tích chứa nước hữu ích là 215,27 m<sup>3</sup>, chiều cao dự phòng là từ mực nước 2,09 mét đến 4,5 mét, tương đương 2,41 mét, tương ứng thời gian lưu chứa nước sự cố là 9,2 giờ.

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Bể điều hòa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: BTCT</li> <li>- Kích thước 1: L x W x H = 7,3m x 4,75m x 5,0m</li> <li>- Kích thước 2: L x W x H = 4,05m x 3,25m x 5,0m</li> <li>- Thể tích bể: 239,19 m<sup>3</sup></li> <li>- Thể tích chứa nước: 215,27 m<sup>3</sup></li> <li>- Thời gian lưu: 17,2 giờ</li> <li>+ Thể tích chứa nước khi vận hành bình thường: 100 m<sup>3</sup>. Thời gian lưu: 08 giờ</li> <li>+ Thể tích chứa nước khi xảy ra sự cố: 115,27 m<sup>3</sup>. Thời gian lưu: 9,2 giờ</li> </ul>	01 bể



- Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm dự án.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom của hệ thống.

- 01 mẫu nước thải đầu ra tại bể khử trùng của hệ thống.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số: pH, BOD, COD, TSS, tổng N, tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni, độ màu, Coliform.

- Giá trị giới hạn: yêu cầu đầu nối của Khu công nghiệp Thành Thành Công cột B, QCVN 40:2011/BTNMT

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả xử lý: 15 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định: 1 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 1 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất là 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu vào, đầu ra. Thường xuyên kiểm định, hiệu chuẩn đồng hồ theo quy định; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách

nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP.

3.4. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, Công ty phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thành Thành Công để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường. *Ng*



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../2023.../GPMT – UBND  
 ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ hoạt động của lò hơi số 1 công suất 10 tấn hơi/giờ (lò hoạt động chính), sử dụng nhiên liệu đốt là biomass (viên nén mùn cưa).

- Nguồn số 02: Khí thải từ hoạt động của lò hơi số 2 công suất 10 tấn hơi/giờ (lò hoạt động dự phòng cho lò hơi số 1), sử dụng nhiên liệu đốt là biomass (viên nén mùn cưa).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi số 1 (nguồn số 1). Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 586 193.63; Y = 1219 406.55 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°15', múi chiều 3°);

- Dòng khí thải số 02: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi số 2 (nguồn số 2). Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 586 200.11; Y = 1219 390.85 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°15', múi chiều 3°);

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°15', múi chiều 3°).

- Vị trí xả bụi, khí thải nằm trong khuôn viên của Dự án “Nhà máy sản xuất thực phẩm và đồ uống Miền Nam” tại lô B20.2, đường C3, KCN Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**2.2 Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 26.500 m<sup>3</sup>/giờ.

- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 26.500 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

Dòng khí thải số 01, dòng khí thải số 02: khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số Kp = 0,9 và Kv = 1,0, cụ thể như sau: *Ag*



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	20.000 < P ≤ 100.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180		
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	765		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	450		
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	900		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 1: lắp đặt hệ thống xử lý khí thải theo phương án khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số Kp = 0,9 và Kv = 1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thoát ra 01 ống khói cao 18 mét.

- Nguồn số 2: lắp đặt hệ thống xử lý khí thải theo phương án khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số Kp = 0,9 và Kv = 1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thoát ra 01 ống khói cao 18 mét.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 10 tấn hơi/giờ/lò, nhiên liệu đốt là biomass (*viên nén mùn cưa*):

- Hai (02) hệ thống xử lý khí thải lò hơi có quy trình công nghệ xử lý tương tự như nhau.

- Quy trình công nghệ: khí thải → lọc bụi khô → quạt hút → lọc bụi ướt → ống khói.

- Công suất thiết kế: 26.500 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch hấp thụ là nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP. *ly*

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì Công ty sẽ ngừng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh khí thải, bụi để sửa chữa, khắc phục đến khi sự cố được khắc phục và sửa chữa xong sẽ tiếp tục vận hành lò hơi và các máy móc, thiết bị khác để phục vụ sản xuất.

#### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm dự án.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hai (02) hệ thống xử lý bụi, khí thải cho lò hơi.

##### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT – BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

+ Một (01) vị trí tại đường ống dẫn khí trước thiết bị lọc bụi khô và một (01) vị trí tại ống khói thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 1.

+ Một (01) vị trí tại đường ống dẫn khí trước thiết bị lọc bụi khô và một (01) vị trí tại ống khói thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 2.

##### 2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

#### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

+ Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: tối thiểu 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào (nếu có) và tổ hợp mẫu đầu ra).

+ Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường) trong ít nhất 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

#### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.



3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. *Ng*

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1205...../GPMT – UBND  
ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: Khu vực đóng gói, máy nhào bột của dây chuyền sản xuất mì gói;
- Nguồn số 2: Khu vực máy trộn của dây chuyền sản xuất đồ uống và nước ép từ rau quả;
- Nguồn số 3: Khu vực máy bóc dỡ hàng của dây chuyền sản xuất đồ uống và nước ép từ rau quả;
- Nguồn số 4: Khu vực máy trộn đồng nhất của dây chuyền sản xuất đồ uống và nước ép từ rau quả;
- Nguồn số 5: Khu vực lò hơi;
- Nguồn số 6: Hệ thống máy nén khí;
- Nguồn số 7: Hệ thống lọc nước;
- Nguồn số 8: Hệ thống xử lý nước thải.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Vị trí số 1 (tương đương nguồn số 01): X = 586 137; Y = 1219 443.
- Vị trí số 2 (tương đương nguồn số 02): X = 586 128; Y = 1219 402.
- Vị trí số 3 (tương đương nguồn số 03): X = 586 119; Y = 1219 395.
- Vị trí số 4 (tương đương nguồn số 04): X = 586 124; Y = 1219 419.
- Vị trí số 5 (tương đương nguồn số 05): X = 586 180; Y = 1219 396.
- Vị trí số 6 (tương đương nguồn số 06): X = 586 045; Y = 1219 492.
- Vị trí số 7 (tương đương nguồn số 07): X = 586 144; Y = 1219 373.
- Vị trí số 8 (tương đương nguồn số 09): X = 586 069; Y = 1219 426.

*(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)*

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**



## 3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

## 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:
  - + Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.
  - + Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.
  - + Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:
  - + Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt,...
  - + Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.
  - + Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như giày chống rung có đế bằng cao su hay găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn. *ly*

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 120.5...../GPMT – UBND*  
*ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1.	Hộp chứa mực in <sup>(KS)</sup>	08 02 04	5	Rắn
2.	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	10	Rắn
3.	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	90	Lỏng
4.	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải <sup>(KS)</sup>	18 01 01	600	Rắn
5.	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải <sup>(KS)</sup>	18 01 03	650	Rắn
6.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại <sup>(KS)</sup>	18 02 01	30	Rắn
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.385</b>	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Tro đáy, xỉ than và bụi lò hơi	04 02 06	504	Rắn
2	Gỗ (palet gỗ hư thải bỏ)	11 02 02	2	Rắn
3	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 11	10	Rắn, lỏng

*Ng*



STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái tồn tại
4	Sản phẩm, nguyên liệu chế biến hồng (sợi mì)	14 04 03	112	Rắn
5	Dầu thực vật đã qua sử dụng (cặn dầu chiên thải)		40	Lỏng
6	Sản phẩm, nguyên liệu chế biến hồng (gia vị, phụ gia thực phẩm)	14 04 03	40	Rắn
7	Bùn thải từ hoạt động xử lý nước thải	14 08 05	20	Bùn
8	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là chất thải nguy hại) thải	18 01 06	225	Rắn
9	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	449	Rắn
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.402</b>	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên	44

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 27 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho được xây tường gạch, mái tôn; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến

chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

### 2.1.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

## 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bao bì, thùng chứa.

### 2.2.2. Kho lưu chứa:

- Phòng chứa số 1: Diện tích 27 m<sup>2</sup>;

- Phòng chứa số 2: Diện tích 27 m<sup>2</sup>;

- Phòng chứa số 3: Diện tích 54 m<sup>2</sup>;

- Khu vực ép bùn và chứa bùn thải sau ép từ hệ thống xử lý nước thải với diện tích 54 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: xây dựng kho chứa có kết cấu tường gạch bao quanh, mái tôn, sàn trát xi măng, bố trí gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

### 2.2.3 Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định

## 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng nhựa có nắp đậy dung tích chứa từ 20 – 120 lít.

### 2.3.2 Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ vào chuyên, xử lý toàn bộ các loại chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

- Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống thấm và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ cùng cứu sự cố



hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheet) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

- Về kho chứa hóa chất: thiết kế kho chứa hóa chất đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa quy định tại mục 5 QCVN 05:2020/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

### 3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1205...../GPMT – UBND  
ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

- Không có.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Thành Thành Công. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số  $K_p = 0,9$  và  $K_v = 1$  và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí đạt QCVN 05:2023/BTNMT; đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm soát bức xạ đúng theo quy định tại Thông tư số 19/2012/TT-BKHHCN ngày 08/11/2012 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT – BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát





chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

- Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên. /